

BẢNG MA TRẬN CÂU HỎI

STT	Hình thức câu hỏi	CHỦ ĐỀ-KĨ NĂNG		Câu hỏi theo mức độ nhận thức				TỔNG CỘNG
				Điểm / 10	Nhận biết 16 câu (40%)	Thông hiểu 12 câu (30%)	Vận dụng 12 câu (30%)	
1	TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN	VOCABULARY (Unit 7-Unit 8)	Synonyms-Antonyms	1	2	2		4
Word choice: nouns/verbs/adjectives/ adverbs			1	2	1	1	4	
2		GRAMMAR	Gap-fill: Passive voice/ Reported speech	0.5	2			2
3		SPEAKING	Asking for and giving information/ opinion/ daily conversation (Topic: tourism/ gadgets)	0.25		1		1
4		PARAGRAPH ARRANGEMENT	Topic: Tourism/ Technology/ Gadgets/ Science/ Holiday Blog	1		1	3	4
5		READING COMPREHENSION (about 300 words)	Main idea/ Detail/ Word meaning/ Inference/ Paraphrasing/ Reference	1.25	1	2	2	5
6		CLOZE TEST (about 100- 200 words)	Collocation/ Part of speech/ Function words/ Word choice/ Fixed expressions/ Passive voice/ Prepositions/ ...	2.5	4	3	3	10
7	TỰ LUẬN	WORD FORMATION	Nouns/Verbs/ Adjectives/ Adverbs	1.25	3	1	1	5
8		SENTENCE TRANSFORMATION	Passive voice/ Reported speech/ Tenses/ Paraphrasing	1.25	2	1	2	5
TỔNG CỘNG				10	16	12	12	40
Tổng điểm					4	3	3	10